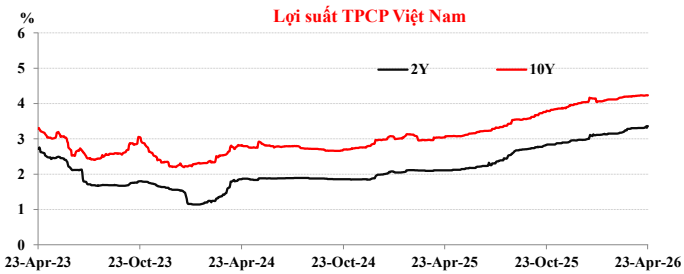

Lãi suất LNH
Trái phiếu

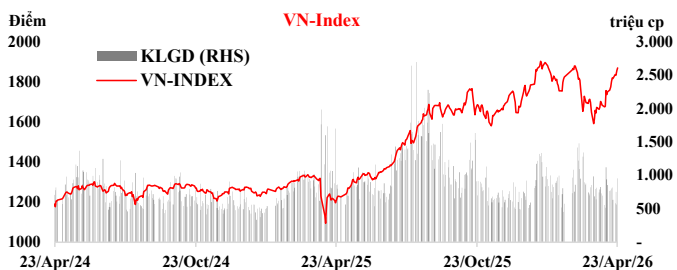
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	4,50	-1,30	3,65	0,00	3Y	3,44	0,004
1W	6,30	0,00	3,70	0,00	5Y	4,06	0,002
2W	6,55	-0,45	3,75	0,00	7Y	4,13	-0,003
1M	7,35	0,02	3,80	0,01	10Y	4,23	0,003
2M	7,30	-0,25	3,85	0,01	15Y	4,33	0,000
3M	8,00	-0,10	3,86	0,01			
6M	7,85	-0,05	3,94	0,04			
9M	7,85	-0,05	3,96	0,02			
1Y	7,85	-0,05	3,96	0,02			


Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%/năm)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
23-04-26	1	14	4,5	3.000	2.180,37			
23-04-26	1	35	4,5	7.000	5.984,63	1.080,45	17.084,55	300.789,29
23-04-26	1	56	4,5	10.000	10.000,00			
Tổng cộng				20.000	18.165,00			

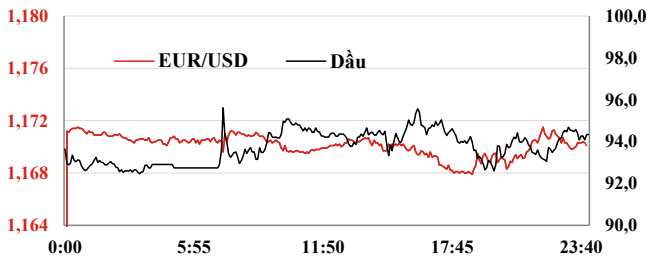
Chứng khoán ngày 23/04/2026

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1870,36	253,23	128,31
%/ngày	0,70%	-0,83%	-0,43%
%/31/12/2024	47,6%	11,3%	35,0%
KLGD (tr.d.vi)	953,43	62,45	33,6
GTGD (tỷ đ)	26.967,17	1145,07	523,08
NĐINN mua (tỷ đ)	2.440,184	52,86	16,16
NĐINN bán (tỷ đ)	4.099,658	95,71	31,31

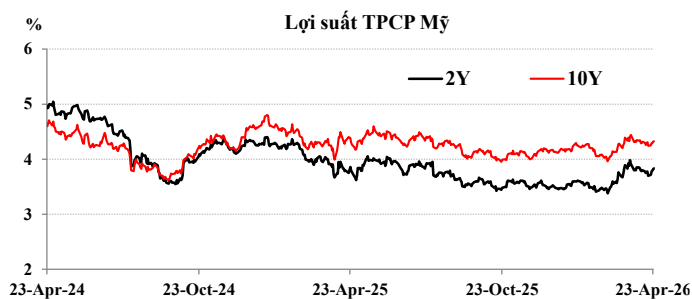
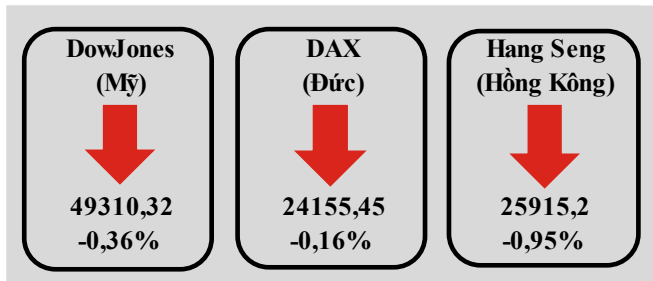


Tin trong nước ngày 23/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 23/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.105 VND/USD, tăng 05 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.900 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.310 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.328 VND/USD, tăng 06 đồng với phiên 22/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 50 đồng ở chiều mua vào và 70 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.527 VND/USD và 26.627 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 23/04, lãi suất bình quân LNH VND giảm 0,45 – 1,30 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi giữ nguyên ở kỳ hạn 1W và tăng 0,02 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 4,50%; 1W 6,30%; 2W 6,55% và 1M 7,35%. Lãi suất bình quân LNH USD không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 3,65%; 1W 3,70%; 2W 3,75%, 1M 3,80%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động nhẹ trái chiều, chốt phiên với mức: 3Y 3,44%; 5Y 4,06%; 7Y 4,13%; 10Y 4,23%; 15Y 4,33%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 7.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày, 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 56 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Có 2.180,37 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, 5.984,63 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày và 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 56 ngày. Có 1.080,45 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN bơm ròng 17.084,55 tỷ đồng ra thị trường. Có 300.789,29 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường chứng khoán:** Trên thị trường chứng khoán phiên hôm qua, VN-Index duy trì sắc xanh nhờ nhóm cổ phiếu ngân hàng và tài chính. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 13,06 điểm (+0,70%) lên mức 1.870,36 điểm; HNX-Index giảm 2,13 điểm (-0,83%) xuống 253,23 điểm; UPCoM-Index mất 0,55 điểm (-0,43%) về 128,31 điểm. Thanh khoản thị trường tăng mạnh với giá trị giao dịch đạt gần 28.600 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng gần 1.660 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Tài chính, trong quý I, KBNN huy động được 80.101 tỷ đồng TPCP, tăng 132% so với quý IV/2025 nhưng giảm 27% so với cùng kỳ năm 2025.** Cơ cấu phát hành tiếp tục tập trung chủ yếu ở các kỳ hạn trung và dài hạn, trong đó khối lượng trúng thầu tại kỳ hạn 5 năm đạt 640 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm đạt 78.511 tỷ đồng và kỳ hạn 15 năm đạt 950 tỷ đồng. KBNN hoàn thành 66,8% kế hoạch huy động quý I và 12,1% kế hoạch năm 2026.
- Ngày 23/04, giá xăng dầu trong nước tiếp tục được Liên Bộ Công thương – Tài chính điều chỉnh giảm.** Cụ thể, xăng E5RON92 không cao hơn 21.834 đồng/lít (giảm 100 đồng/lít so với giá bán tối đa hiện hành), thấp hơn xăng RON95-III 1.046 đồng/lít; xăng RON95-III 22.880 đồng/lít (giảm 162 đồng/lít); dầu diesel 0.05S 26.697 đồng/lít (giảm 1.159 đồng/lít); dầu mazut 180CST 3.5S 18.811 đồng/kg (giảm 820 đồng/kg).



	23 Apr 26	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	98,77	0,18%	0,57%	0,46%
USD/CNY	6,83	-0,02%	0,08%	-2,39%
USD/EUR	0,86	0,17%	0,84%	0,53%
USD/JPY	159,71	0,14%	0,33%	1,95%
USD/KRW	1481,28	0,20%	0,13%	2,83%
USD/SGD	1,28	0,21%	0,44%	-0,59%
USD/TWD	31,55	0,25%	-0,04%	0,68%
USD/THB	32,44	0,68%	1,41%	3,05%
USD/VND Trung tâm	25105	0,020%	0,01%	-0,06%
USD/VND LNH	26328	0,02%	-0,02%	0,13%
USD/VND tự do	26527	-0,19%	-0,22%	-1,43%
Vàng	4692,69	-0,95%	-1,99%	8,78%
Dầu WTI	95,85	3,11%	1,23%	66,93%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	4,00%	3,75%	10/12/2025	29/4/2026
Châu Âu	EUR	2,40%	2,15%	5/6/2025	30/4/2026
Anh	GBP	4,00%	3,75%	18/12/2025	30/4/2026
Nhật	JPY	0,50%	0,75%	31/7/2024	28/4/2026
Australia	AUD	3,60%	3,85%	12/8/2025	5/5/2026

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, LSEG, MSBResearch

Tin quốc tế

- Kinh tế Mỹ đón các chỉ báo quan trọng.** Đầu tiên, S&P Global khảo sát cho biết chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ tại Mỹ lần lượt đạt 54,0 và 51,3 điểm trong tháng 4, cùng tăng lên so với 52,3 và 49,8 điểm của tháng trước, đồng thời cùng cao hơn so với mức 52,5 và 50,5 theo dự báo. Chris Williamson, nhà kinh tế trưởng tại S&P nhận định sản lượng kinh doanh tại Mỹ phục hồi trong tháng 4 là tín hiệu tích cực sau khi đình trệ trong tháng 3. Mặc dù vậy, có những dấu hiệu cho thấy doanh nghiệp đang chạy đua dự trữ hàng tồn kho và có phần hoảng loạn, trước nguy cơ giá tăng và thiếu hụt nguồn cung do tác động của xung đột tại Trung Đông. Tiếp theo, về thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 18/04 ở mức 214 nghìn đơn, tăng lên từ 208 nghìn đơn của tuần trước đó và cao hơn một chút so với mức 211 nghìn đơn theo dự báo. Số đơn bình quân 4 tuần gần nhất là 210,75 nghìn tăng nhẹ 0,75 nghìn so với 4 tuần liền trước.
- Nước Anh ghi nhận các chỉ báo kinh tế tích cực.** Theo S&P Global, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực dịch vụ tại Anh lần lượt là 53,6 và 52,0 điểm trong tháng 4, cùng tăng lên từ 51,0 và 50,5 điểm của tháng 3, trái với dự báo giảm xuống còn 50,3 và 50,0 điểm. Nền kinh tế Anh cho thấy đã lấy lại một phần động lực tăng trưởng trong tháng 4 sau khi những tác động ban đầu của cuộc chiến tại Trung Đông dội vào trong tháng 3. Tuy nhiên, dữ liệu cho thấy giá cả tại Anh tăng cao hơn so với nhiều dự báo của thị trường, và tình trạng nguồn cung bị gián đoạn cũng đang xuất hiện. S&P cho rằng NHTW Anh đang chịu sức ép tương đối lớn giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát.
- Eurozone đón các con số trái chiều.** S&P Global công bố PMI lĩnh vực sản xuất tại khu vực Eurozone là 52,2 điểm trong tháng 4, tăng lên từ 51,6 điểm của tháng 3, trái với dự báo giảm còn 50,9 điểm. Mặc dù vậy, PMI lĩnh vực dịch vụ giảm khá mạnh xuống 47,4 điểm trong tháng này từ 50,2 điểm của tháng trước, sâu hơn so với mức 49,8 điểm theo dự báo. Khu vực này cũng diễn ra tình trạng tương tự như Mỹ và Anh, khi các nhà sản xuất gia tăng đầu vào ở mức chưa từng thấy kể từ đầu năm 2022. Một số chuyên gia dự báo Eurozone có thể đối mặt với đình lạm ở nửa cuối 2026 khi giá dầu mỏ giữ ở mức cao và nguồn cung đối với các loại hàng hóa khan hiếm dần.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
23-04	15:30	***	PMI lĩnh vực sản xuất tại Eurozone T4	52,2	50,9	51,6
23-04	15:30	***	PMI lĩnh vực dịch vụ tại Eurozone T4	47,4	49,8	50,2
23-04	15:30	***	PMI lĩnh vực sản xuất tại Anh T4	53,6	50,3	51,0
23-04	15:30	***	PMI lĩnh vực dịch vụ tại Anh T4	52,0	50,0	50,5
23-04	20:45	**	PMI lĩnh vực sản xuất tại Mỹ T4	54,0	52,5	52,3
23-04	20:45	**	PMI lĩnh vực dịch vụ tại Mỹ T4	51,3	50,5	49,8
24-04	13:00	***	Doanh số bán lẻ tại Anh mm T3		0,0	-0,4
24-04	21:00	**	Chỉ số niềm tin tiêu dùng UoM Mỹ T4 sau điều chỉnh		48,5	47,6

Thị trường chứng khoán

VN-INDEX



VN-Index tăng lên mức 1.870,36 điểm. VN-Index tiếp tục leo lên áp sát ngưỡng đỉnh lịch sử, tuy nhiên thanh khoản vẫn chỉ ở mức tương đối thấp cho thấy niềm tin của thị trường không cao. Sự rung lắc có thể xảy ra ở những phiên sắp tới.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 – Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh – Trưởng Nhóm

Email: Ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang – CVCC phân tích

Email: Giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn